

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Kế toán**

Tên tiếng Anh: **Accounting**

Mã ngành: **7340301**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 614/QĐ-ĐHTG ngày 04 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Đồng Tháp, năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo
2. Thông tin về chương trình đào tạo
- 2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo
- 2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo
3. Chuẩn đầu vào
4. Cấp bằng tốt nghiệp

PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Error! Bookmark not defined.

1. Mục tiêu cụ thể
2. Chuẩn đầu ra
- 2.1. Kiến thức
- 2.2. Kỹ năng
- 2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo
2. Khung chương trình đào tạo
3. Mô tả học phần
4. Sơ đồ đào tạo
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo
10. Thông tin cập nhật

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 614/QĐ-ĐHTG ngày 04 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo

Khoa Kinh tế - Luật (KTL) tiền thân là Khoa Kinh tế - Xã hội được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 10 năm 2005. Đến năm 2015, Khoa Kinh tế - Xã hội đổi tên thành Khoa Kinh tế - Luật theo Quyết định số 615/QĐ-ĐHTG ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Khoa KTL có 06 bộ môn (BM): BM Kế toán, BM Tài chính, BM Quản trị kinh doanh, BM Kinh tế, BM Luật và BM Du lịch. Các BM có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu về các hướng chuyên môn thuộc các lĩnh vực do BM phụ trách.

Chức năng của Khoa KTL được quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 11 của Quyết định số 75/QĐ-ĐHTG ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Hiệu Trưởng Trường Trường Đại học Tiền Giang quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Trường Đại học Tiền Giang như sau:

- Tổ chức đào tạo và quản lý các chương trình đào tạo bậc đại học các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế, Kế toán, Tài chính, Quản trị kinh doanh, Luật, Du lịch.
- Tổ chức, quản lý giảng dạy các học phần chung thuộc khối kiến thức pháp luật đại cương và các học phần khối kinh tế, luật của các ngành khác.
- Tổ chức đào tạo và hợp tác đào tạo sau đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực do khoa quản lý khi đủ điều kiện.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế.
- Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Tham gia thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.
- Xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy khối kiến thức do Khoa đảm trách.

2. Thông tin về chương trình đào tạo

2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: **Đại học Kế toán**

- Tên ngành:
- + Tiếng Việt: **Kế toán**
- + Tiếng Anh: **Accounting**
- Mã ngành: 7340301
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: **Cử nhân Kế toán**
- + Tiếng Anh: **Bachelor of Accounting**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:
- + Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán Trường Đại học An Giang,
- + Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán Trường Đại học Cần Thơ.

2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, tự học suốt đời, hội nhập; có khả năng sáng tạo, phát huy tiềm năng của bản thân và sống hài hòa, hạnh phúc.

Đào tạo theo định hướng ứng dụng, giúp người học có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp kế toán, có khả năng làm việc độc lập và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành kế toán, có khả năng nghiên cứu khoa học để phục vụ cộng đồng, xã hội.

3. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 235/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ- ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Có kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, chuyển đổi số, khoa học chính trị và pháp luật.

PO02: Có kiến thức cơ sở ngành để giải thích được những vấn đề, những hiện tượng, những tình huống, những nghiệp vụ phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị trong môi trường pháp lý và môi trường kinh tế tại Việt Nam.

PO03: Có kiến thức ngành và hỗ trợ ngành kế toán để: Ghi sổ và lập các báo cáo kế toán; Phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính; Phân tích được các báo cáo trong các doanh nghiệp và các đơn vị hành chính - sự nghiệp ở các lĩnh vực hoạt động; Quản trị doanh nghiệp thông qua số liệu kế toán; Khởi nghiệp kinh doanh.

1.2. Kỹ năng

PO04: Có kỹ năng phản biện, giải quyết các vấn đề, đánh giá chất lượng công việc ở từng vị trí việc làm.

PO05: Có năng lực số, ngoại ngữ, có khả năng thuyết trình tốt, giao tiếp hiệu quả.

PO06: Áp dụng được các nguyên tắc kế toán, các trong quy định của các cơ quan hữu quan liên quan đến lĩnh vực kế toán, Tin học kế toán, các kiến thức hỗ trợ để làm được các phần hành kế toán cho các khối doanh nghiệp và các cơ quan ban ngành.

PO07: Có đạo đức nghề nghiệp và các kỹ năng mềm để làm việc nhóm, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan của ngành và phát triển nghề nghiệp trong các môi trường làm việc khác nhau.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO08: Có năng lực tự học, tự chủ, làm việc nhóm, có khả năng khởi nghiệp.

PO09: Có sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

PO10: Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; Có ý thức trách nhiệm cao; Tác phong làm việc chuẩn mực; Phân đấu học tập rèn luyện để nâng cao năng lực chuyên môn và phẩm chất cá nhân; Nhận biết được giá trị của bản thân để phát huy tiềm năng, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng, xã hội.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

- Có thể đảm nhiệm các vị trí kế toán trong doanh nghiệp như: Kế toán viên, kế toán tổng hợp, kiểm toán viên, kế toán trưởng và quản lý kinh tế tài chính các doanh nghiệp và các đơn vị hành chính – sự nghiệp;

- Có khả năng tự thành lập và điều hành doanh nghiệp.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ.

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực tự học, tự nghiên cứu và học lên các chương trình đào tạo sau đại học.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, năng lực số, khoa học chính trị và pháp luật.

K02: Kiến thức cơ sở ngành về kinh tế lượng; kinh tế quốc tế; thống kê doanh nghiệp; kinh tế vi mô và vĩ mô; pháp luật doanh nghiệp; quản trị học; marketing căn bản, tài chính - tiền tệ; nguyên lý kế toán, phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán.

K03: Kiến thức chuyên ngành về Thuế, Kế toán tài chính doanh nghiệp, Kế toán công, Tin học kế toán, Hệ thống thông tin kế toán, Kế toán mô phỏng, Kế toán quản trị, Kiểm toán, Lập Báo cáo tài chính theo IFRS, Kế toán quốc tế, Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp.

K04: Kiến thức bổ trợ về Kinh doanh; Tài chính; Ngân hàng; Tiếng anh chuyên ngành kế toán; Thống kê; Phân tích hoạt động kinh doanh; Khởi nghiệp kinh doanh; Lập kế hoạch; Tổ chức thiết kế, hiện thực hóa, vận hành trong công việc kế toán.

2.2. Kỹ năng

S01: Kỹ năng truyền đạt vấn đề, thuyết trình, giao tiếp tốt.

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có kỹ năng số bậc 6/8 theo Khung năng lực số cho người học được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

S03: Có kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề đánh giá chất lượng ở từng vị trí công việc.

S04: Áp dụng được các nguyên tắc kế toán, các trong quy định của các cơ quan hữu quan liên quan đến lĩnh vực kế toán, Tin học kế toán, Tiếng Anh chuyên ngành kế toán, các kiến thức bổ trợ để làm được các phần hành kế toán cho các khối doanh nghiệp và các cơ quan ban ngành. Sử dụng được các thuật ngữ Tiếng chuyên ngành kế toán. Sử dụng được tin học kế toán.

S05: Kỹ năng hợp tác; kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng phân tích để giải quyết các vấn đề liên quan của ngành và khởi nghiệp.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm

A02: Có sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. Tự học, định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về ngành kế toán và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân

A03: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt, có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật

3 Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
PO01	x											
PO02		x										
PO03			x	x								
PO04							x					
PO05	x				x	x				x		
PO06								x				
PO07									x			
PO08										x		
PO09											x	
PO10												x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **171**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **126**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	36	2	38	30,16
2	Kiến thức cơ sở ngành	21	2	23	18,25
3	Kiến thức ngành	47	0	47	37,30
4	Kiến thức Bổ trợ	4	8	12	9,53
5	Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận	0	6	6	4,76
Tổng cộng		108	18	126	100%

2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
1. Khôi kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh						11	11		
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật						8	6		
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
68562	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán	27	6				2	2	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
15362	Kỹ năng giao tiếp	15	30				2	2	
65012	Lịch sử các học thuyết kinh tế	28	4				2		
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)						6	6*		
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy						12	12		
08024	English1	60					4	4	08012
08034	English2	60					4	4	08024+
08044	English 3	60					4	4	08034+
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên						9	9		
08133	Toán cao cấp C	30	30				3	3	
08733D	Xác suất thống kê A	30	30				3	3	
30093	Kỹ năng số	15		60			3	3	
1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất						9	3*		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
12371	Thế dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh							8	8*	
12813	Giáo dục quốc phòng I	45					3	3*	
12922	Giáo dục quốc phòng II	30					2	2*	
12931	Giáo dục quốc phòng III			30			1	1*	
12942	Giáo dục quốc phòng IV			60			2	2*	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							40	38	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							27	23	
66043	Kinh tế vi mô	42	6				3	3	
66063	Kinh tế vĩ mô	42	6				3	3	66043+
66093	Kinh tế lượng	30		30			3	3	08733D +
67003	Quản trị học	42	6				3	3	
68063	Nguyên lý kế toán	42	6				3	3	
70013	Marketing căn bản	42	6				3	3	
71073	Luật thương mại	40	10				3	3	71012+
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
66102	Kinh tế quốc tế	28	4				2	2	
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	28	4				2		
69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	27	6				2		
2.2. Ngành							47	47	
68013	Thuế	42	6				3	3	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
68083	Kế toán tài chính 1	42	6				3	3	68063+
68093	Kế toán tài chính 2	40	10				3	3	68063+
68103	Kế toán tài chính 3	42	6				3	3	68063+
68113	Kế toán quản trị	40	10				3	3	
68133	Kế toán chi phí	40	10				3	3	68063+
68252	Kiểm toán 1	28	4				2	2	68063+
68262	Kiểm toán 2	27	6				2	2	68252+
68273	Kế toán tài chính 4	42	6				3	3	68063+
68314	Kế toán tài chính 5	45	30				4	4	68273+
68573	Tin học kế toán 1	30		30			3	3	68063+
68592	Hệ thống thông tin kế toán	27	6				2	2	68063+
68343	Kế toán mô phỏng trong doanh nghiệp	15		60			3	3	68314+
68353	Kế toán công 1	42	6				3	3	68063+
68322	Kế toán ngân hàng	27	6				2	2	68063+
68413	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	42	6				3	2	68063+
68362	Kế toán công 2	27	6				2	2	68063+
2.3. Bổ trợ							42	12	
69102	Tài chính doanh nghiệp 1	28	4				2	2	
68822	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	27	6				2	2	
Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
67222	Quản trị sản xuất	28	4				2	6	
69122	Tài chính doanh nghiệp 2	27	6				2		69102+
67393	Khởi nghiệp kinh doanh	42	6				3		
68002	Thống kê doanh nghiệp	28	4				2		68782+
68023	Phân tích hoạt động kinh doanh	42	6				3		
68112	Thị trường tài chính	28	4				2		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
68212	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	27	6				2		
69043	Thanh toán quốc tế	42	6				3		
69112	Thị trường chứng khoán	27	6				2		
67143	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	42	6				3		
69252	Tài chính công	28	4				2		
69092	Toán tài chính	27	6				2		
Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
69782	Kế toán bền vững	27	6				2	2	68063+
68582	Tin học kế toán 2	15		30			2		68063+
68142	Kế toán kho bạc	28	4				2		68063+
68372	Phân tích Báo cáo tài chính	27	6				2		68314+
68622	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	27	6				2		
2.4. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							15	6	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
68914	Chuyên đề cuối khóa (Kế toán)				180		4	6	68314+
68502	Lập báo cáo tài chính theo IFRS	27	6				2		68063+
68383	Kế toán quốc tế	42	6				3		68063+
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
68906	Khóa luận cuối khóa (Kế toán)					360	6	6	68314+
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							131	88	
Số tín chỉ tổng cộng: 171, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 126 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) là Học phần điều kiện

- Đối với các học phần điều kiện General English 1, General English 2: người học phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần của chương trình môn học tiếng Anh không chuyên có trong chương trình đào tạo,

điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

- Đối với các học phần điều kiện thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh: người học phải học và đạt để đủ điều kiện xét tốt nghiệp, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(**) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong hệ thống tích hợp thông tin TGUIIS đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺

3. Mô tả học phần:

3.1. Triết học Mác-Lênin (00033)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Triết học Mác-Lênin, người học có khả năng giải thích, khái quát hóa được những kiến thức cơ bản của môn khoa học này: chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; giải thích và minh họa được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Thực hiện được

một số thao tác cụ thể như: phân biện, xác định và khái quát hóa vấn đề; tái hiện được những thông tin đã tiếp nhận và xử lý được các tình huống trong thuyết trình và giao tiếp đạt hiệu quả. Nhận biết được sự cần thiết thực hiện công việc một cách độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong những điều kiện thay đổi nhằm tối ưu hóa kết quả hoạt động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

3.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (01202)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin (00033)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, người học giải thích và phân tích được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về kinh tế chính trị Mác - Lênin; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành tư duy phân biện, khả năng tiếp cận, chọn lọc và xử lý thông tin và tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, người học có thể trình bày, giải thích và lý giải được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ

nghĩa xã hội; những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó, hình thành ở người học kỹ năng xác định, thực hiện và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống; củng cố niềm tin về chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần bảo vệ, xây dựng đất nước hiện nay

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212), 2 TC

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, người học giải thích và phân tích được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

[4] Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị, 2005.

3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, người học có khả năng trình bày, giải thích, khái quát hoá và tóm tắt được kiến thức của

môn học; có khả năng vận dụng kiến thức để nhận định, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay; giữ vững lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1995 - 2018), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1 đến tập 65, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3.6. Pháp luật đại cương (71012)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Pháp luật đại cương, người học biết được các nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1].Lê Minh Toàn, *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2019.

[2] Nguyễn Văn Động, Đinh Ngọc Thắng, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2020.

3.7. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán (68562)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán, người học biết được những vấn đề chung về Phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm: Những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học, Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán, Quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, Đánh giá một công trình khoa học ngành kế toán; Thực hành được một số phần mềm phân tích dữ liệu thông dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Đình Thọ. *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. NXB Tài Chính, Hà Nội, 2019.

[2].Hà Nam Khánh Giao (chủ biên). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - Cập nhật Smart PLS*, NXB Tài Chính, Hà Nội, 2019.

3.8. Kỹ năng giao tiếp (15372)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kỹ năng giao tiếp, người học trình bày khái niệm kỹ năng giao tiếp, đặc điểm và phân loại kỹ năng giao tiếp. Vai trò của kỹ năng giao tiếp đối với sinh viên đại học. Hướng dẫn người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản: Kỹ năng lắng nghe trong giao tiếp; Kỹ năng nói chuyện và trình bày báo cáo bằng miệng; Kỹ năng phỏng vấn và trả lời phỏng vấn; Kỹ năng tiến hành các hội nghị và các cuộc họp; Kỹ năng giao tiếp ở quy mô nhóm và tổ chức; Một số vấn đề trong giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau; Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam; Giao tiếp qua điện thoại.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Trọng Thủy (2019), *Nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2] Nguyễn Văn Hùng (2022), *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, NXB Tài chính.

[3] Trần Thanh Nguyên (2022), *Tài liệu giảng dạy Kỹ năng giao tiếp*, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Tiền Giang.

[4] Knud S. Larsen - Lê Văn Hảo dịch (2015), *Tâm lý học xuyên văn hóa*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[5] Niamh O’Keeffe (Lê Hồng Phương Hạ dịch) (2018), *Stepping up 4.0* (Nhà quản lý 4.0), NXB Lao động.

[6] Wiley Blackwell - Acacia C. Parks - Stephen M. Schueller (Cánh Diều và cộng sự dịch) (2021), *Tâm lý học tích cực*, NXB ĐHQG Hà Nội.

3.9. Lịch sử các học thuyết kinh tế (65012)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 04, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế, người học sẽ biết được lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế qua các thời kỳ từ thời cổ đại đến thời hiện đại. Học phần bao gồm 9 chương như sau: (1) Đối tượng và phương pháp nghiên cứu Lịch sử các học thuyết kinh tế; (2) Tư tưởng kinh tế thời cổ đại và trung đại; (3) Chủ nghĩa trọng thương; (4) Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh; (5) Kinh tế chính trị Mác-Lênin; (6) Lý thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển; (7) Các học thuyết kinh tế của trường phái Keynes; (8) Lý thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại (Lý thuyết nền kinh tế hỗn hợp); (9) Lý thuyết tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Ngô Thái Hà (CB), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Đại học Sư Phạm, 2022.

[2] Trần Việt Tiến (2019), *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019

3.10. English 1 (08024)

- Số tín chỉ: 4 (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 2 (08012)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 1, người học có kiến thức về từ vựng liên quan đến chủ đề về tính từ miêu tả đặc tính cá nhân, đồ dùng học tập, thức ăn, động lực; biết cách dùng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, thì tương lai đơn, trạng từ chỉ thói quen và các đại từ không xác định. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe, nói và phân tích các bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến miêu tả tính cách, kỷ niệm, bài báo nói về nguồn gốc thức ăn, những người leo núi, nghe một nhà thám hiểm nói về kỷ niệm ở trường học và miêu tả tính cách, bài phỏng vấn chủ nhà hàng, bài nói về động lực và đồng thời rèn luyện kỹ năng viết miêu tả thông tin cá nhân, kể một câu chuyện, miêu tả công thức nấu ăn, viết trên diễn đàn trực tuyến.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022)

3.11. English 2 (08034)

- Số tín chỉ: 4 (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 1 (08024)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 2, người học có kiến thức về từ vựng liên quan đến tính từ miêu tả, từ vựng về du lịch, môi trường, nghề nghiệp; hiểu cách dùng câu điều kiện, so sánh hơn, so sánh nhất, mệnh đề quan hệ, thì hiện tại hoàn thành, các động từ theo sau bởi động từ nguyên mẫu hoặc động từ tận cùng thêm -ing, cách dùng “used to” để diễn tả việc đã từng làm trong quá khứ. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến bản tin trên Tivi, phương tiện đi làm, các phát minh quan trọng, công việc; nghe các nhà thám hiểm nói về một số nơi đáng nhớ và nói về công việc của họ, một chuyên gia nói về cuộc hành trình của loài chim, một đoạn hội thoại về môi trường. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một thông điệp, một email, một bản tin, một hồ sơ xin việc làm.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022)

3.12. English 3 (08044)

- Số tín chỉ: 4 (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 2 (08034)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 3, người học có kiến thức về từ vựng có liên quan đến chủ đề về sức khoẻ, căn bệnh, phim và TV, tính từ miêu tả cảm xúc, kỹ thuật; cách dùng câu điều kiện loại hai, phải “must, have to”, nên “should”, hiện tại hoàn thành, câu tường thuật, câu bị động, động từ khiếm khuyết. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến cuộc sống mà không có sự đau đớn, hai câu chuyện kể dân gian, các loại phương tiện truyền thông xã hội và thử thách, nghệ thuật và công nghệ; nghe một nhà thám hiểm nói về sức khoẻ, những việc anh ta làm để giải trí, làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, công nghệ; nói về cách diễn tả lời từ chối, lời yêu cầu. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết nhật ký, bài bình luận, bài báo cáo.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022)

3.13. Toán cao cấp C (08133)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Không

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Toán cao cấp C, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về phép tính vi/tích phân hàm số một biến số, phép tính vi phân hàm số nhiều biến số, ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, tập 1-Đại số và hình học giải tích*, NXB Giáo dục, 2006.

[2] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, tập 2-Phép tính giải tích một biến số*, NXB Giáo dục, 2021.

[3] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, tập 3-Phép tính giải tích nhiều biến số*, NXB Giáo dục, 2023.

3.14. Xác suất thống kê A (08733D)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Toán cao cấp C (08133)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Xác suất thống kê A, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về: xác suất và công thức tính xác suất của một sự kiện; phân phối xác suất, hàm phân phối xác suất, các đặc trưng số của đại lượng ngẫu nhiên; lấy mẫu và xử lý mẫu; ước lượng các đặc trưng số của đại lượng ngẫu nhiên; kiểm định giả thuyết thống kê; tương quan và hồi quy.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tổng Đình Quý (2014), *Giáo trình xác suất thống kê*, NXB Bách Khoa Hà Nội.

[2] Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh Sơn (2007), *Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Thống Kê.

[3] Nguyễn Tiên Dũng, Nguyễn Đình Huy (2020), *Xác suất-Thống kê và phân tích số liệu*, NXB ĐH Quốc Gia TPHCM.

3.15. Kỹ năng số (30093)

- Số tín chỉ: 3 TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Học phần học trước: Không

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kỹ năng số, người học có được kiến thức và kỹ năng để phát triển năng lực số đáp ứng Khung năng lực số cho người học được ban hành tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung chính của học phần Kỹ năng số bao gồm: 1) Khai thác dữ liệu và thông tin: trình bày và sử dụng thành thạo các công cụ số để tìm kiếm, xử lý và quản lý thông tin; 2) Giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong môi trường số: giao tiếp và hợp tác hiệu quả qua công nghệ số, tôn trọng sự khác biệt văn hóa và thế hệ, tích cực tham gia các dịch vụ công và xã hội số, đồng thời đảm bảo thông tin cá nhân an toàn, hành vi số phù hợp và xây dựng hình ảnh cá nhân tích cực trên môi trường mạng; 3) Sáng tạo nội dung số cơ bản: tạo và chỉnh sửa nội dung số, kết hợp thông tin mới vào tri thức sẵn có, trình bày được bản quyền số và biết cách đưa ra các hướng dẫn có thể hiểu được cho hệ thống máy tính; 4) An toàn: thực hiện các biện pháp bảo vệ thiết bị, dữ liệu và quyền riêng tư cá nhân, có nhận thức về an ninh mạng; 5) Giải quyết vấn đề trong môi trường số: nhận diện và giải quyết vấn đề trong môi trường số, sử dụng được các công cụ kỹ thuật số để đổi mới quy trình và sản phẩm, đồng thời cập nhật sự phát triển của công nghệ số; 6) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: mô tả các kiến thức cơ bản về AI, khả năng nhận diện và sử dụng, đánh giá các công cụ trí tuệ nhân tạo trong học tập, làm việc và đời sống số một cách hiệu quả và có đạo đức. Học phần kỹ năng số giúp người học có đủ kiến thức, kỹ năng số đáp ứng các nhu cầu chung cho việc học tập, nghiên cứu, bước đầu chuẩn bị tham gia lực lượng lao động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bài giảng Kỹ năng số, *Nhóm biên soạn Kỹ năng số thuộc khoa Kỹ thuật Công nghệ*, Trường Đại học Tiền Giang, 2025.

[2] Đỗ Văn Hùng, *Năng lực số*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2022.

[3] Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Khung năng lực số cho người học.

[4] Quyết định 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người học trong các cơ sở giáo dục đại học.

3.16. Thể dục và điền kinh (12371)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thể dục Điền kinh, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thể dục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thể dục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thể dục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng; Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra người học còn được rèn luyện các bài tập hỗ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Điền kinh, (2018) - Nguyễn Anh Tuấn- NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

3.17. Bóng chuyền 1 (12391)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng chuyền 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; ý nghĩa tác dụng bóng chuyền đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng), người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyền.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Bóng chuyền, (2019) - Nguyễn Việt Hòa - NXB TĐTT.

3.18. Cầu lông 1 (12401)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cầu lông 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển học phần Cầu lông 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật cầu lông.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Cầu lông (2015) - Nguyễn Văn Đức - NXB TĐTT.

3.19. Đá cầu 1 (12271)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền Kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đá cầu 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển học phần Đá cầu 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật tâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; người học được rèn luyện kỹ thuật chuyền cầu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Đá cầu, (2021) - Đào Thị Hoa Huỳnh - NXB ĐH Thái Nguyên.

3.20. Bóng rổ 1 (12411)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng rổ 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Bóng rổ, (2016) - Nguyễn Văn Đức - NXB TDTT Hà Nội.

3.21. Bóng chuyên 2 (12441)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Bóng chuyên 1
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng chuyên 2, người học hiểu một số kiến thức cơ bản như: nắm vững luật bóng chuyên, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ bản; chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyên làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Bóng chuyên (2019) - Nguyễn Việt Hòa - NXB TDTT.

3.22. Cầu lông 2 (12481)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Cầu lông 1
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cầu lông 2, người học hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Cầu lông, (2015) - Nguyễn Văn Đức - NXB TDTT.

3.23. Đá cầu 2 (12281)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Đá cầu 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đá cầu 2, người học hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; người học rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Đá cầu (2021) - Đào Thị Hoa Huỳnh - NXB ĐH Thái Nguyên.

3.24. Bóng rổ 2 (12461)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng rổ 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng rổ 2, người học hiểu biết khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao; những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; người học rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Bóng rổ (2016) - Nguyễn Văn Đức - NXB TĐTT Hà Nội.

3.25. Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

a) Giáo dục quốc phòng I (12813)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng I, người học được trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; thực hiện tốt đường lối, chính sách Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh*. (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 1, NXB. Giáo dục Việt Nam.

b) Giáo dục quốc phòng II (12922)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng II, người học được trang bị những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay như Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng

Việt Nam; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; vấn đề an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh (dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 1, NXB. Giáo dục Việt Nam.

c) Giáo dục quốc phòng III (12931)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng III, người học thực hiện được chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày, tuần; thực hiện các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại trong quân đội; thực hiện được Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Đội ngũ đơn vị và sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp; Hiểu biết chung về các Quân, Binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh (dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 2, NXB. Giáo dục Việt Nam)

d) Giáo dục quốc phòng IV (12942)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 0, 60, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng IV, người học có được kiến thức chung về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh (dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 2, NXB. Giáo dục Việt Nam)

3.26. Kinh tế vi mô (66043)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế học vi mô, người học biết hành vi, cách ứng xử của từng tác nhân như các hộ gia đình, người tiêu dùng, các doanh

nghiệp trong các loại thị trường nhằm đạt lợi ích cao nhất khi sản xuất, tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ; Biết qui luật cung - cầu của thị trường, các dạng thị trường và sự hình thành của giá cả, điều kiện để doanh nghiệp tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận trong từng loại thị trường từ đó có thể tối đa hoá được lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng loại thị trường của nền kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Thọ Đạt, *Kinh tế vi mô*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2024

[2] N. Gregory Mankiw *Kinh tế học vi mô (Principles of Microeconomics)* NXB Hồng Đức, 2023

3.27. Kinh tế vĩ mô (66063)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô (66043)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế vĩ mô, người học hiểu được các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô, cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua lý thuyết và mô hình kinh tế, đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô như sản lượng, việc làm, giá cả, lạm phát, thất nghiệp, ... Có nền tảng vững chắc cho phân tích các chính sách kinh tế và tác động của nó đến nền kinh tế cũng như doanh nghiệp. Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, *Kinh tế vĩ mô*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2023

[2] Gregory Mankiw, *Kinh tế học vĩ mô (Principles of Macroeconomics)*, NXB Hồng Đức, 2023

3.28. Kinh tế lượng (66093)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Xác suất thống kê A (08733D)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế lượng, người học biết được những kiến thức cơ bản về ước lượng, phân tích mô hình, kiểm định giả thuyết về các mối quan hệ kinh tế, sử dụng biến giả, một số khuyết tật của mô hình hồi qui đơn giản. Vận dụng kiến thức đã học để tính toán một số mô hình đơn giản, thiết lập được mô hình phù hợp với thực tế. Sử dụng mô hình để phân tích, dự báo và hoạch định chính sách (nếu có). Song song đó, hình thành thái độ tự học, khách quan trong việc tính toán, ước lượng hay đánh giá các giả thuyết khoa học.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Duy Phú. *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB GD VN, 2020

[2] Hoàng Ngọc Nhậm, *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB LĐ-XH, 2019

3.29. Quản trị học (67003)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Quản trị học, người học biết những nội dung cơ bản về quản trị trong tổ chức như: khái niệm và vai trò của quản trị trong tổ chức, nhà quản trị và công việc của nhà quản trị, các tư tưởng quản trị, môi trường hoạt động của tổ chức, quyết định quản trị và các chức năng của quản trị.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh, *Quản trị học*, NXB Tài chính, 2022.

[2] Trịnh Thùy Anh, Bùi Thị Quỳnh Ngọc, Lê Khoa Nguyên, *Quản trị học*, NXB Thông tin và Truyền thông, 2022

3.30. Nguyên lý kế toán (68063)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Nguyên lý kế toán, người học biết được các nội dung cơ bản về kế toán; Các lý thuyết trong kế toán và các vấn đề kế toán đương đại; Lập báo cáo kế toán; Sử dụng tài khoản kế toán; Ghi sổ kép; Tính giá các đối tượng kế toán và lập chứng từ kế toán; Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu; Kiểm kê; Các hình thức sổ kế toán, tổ chức công tác kế toán và kiểm tra kế toán.; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Khoa kế toán, Bộ môn nguyên lý kế toán “*Tài liệu học tập Nguyên lý kế toán- Principles of Accounting*”, NXB Kinh tế TP.HCM, Quý 1/2019

[2] Bộ tài chính (2014), Thông tư số 200/2014/TT/BCT *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, 2014

[3] Bộ tài chính, *Chuẩn mực kế toán số 1- Chuẩn mực chung (Ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC)*, 2002

3.31. Marketing căn bản (70013)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Marketing căn bản, người học biết những nội dung cơ bản về marketing, vai trò của marketing, môi trường marketing của một doanh nghiệp, hành vi khách hàng, phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm và chiến lược Marketing Mix. Đồng thời, học phần định hướng sinh viên vận dụng kiến thức trong việc phân tích một số hoạt động thực tế có liên quan đến các doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hoàng Thị Phương Thảo (Chủ biên), *Marketing căn bản*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2024

[2] Vũ Huy Thông, Phạm Thị Huyền, *Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2025

3.32. Luật thương mại (71073)

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Pháp luật đại cương (71012)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Thương mại, sinh viên biết được kiến thức cơ bản về Luật Thương mại, vai trò của Luật Thương mại trong nền kinh tế thị trường; địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; giải thể và phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Có khả năng tư duy và giải quyết các tình huống liên quan lĩnh vực thương mại; tư vấn cho nhà đầu tư lựa chọn được loại doanh nghiệp phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh (tái bản lần thứ sáu, có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Hồng Đức, năm 2025.

[2] Quốc Hội (2020), *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14* ngày 17 tháng 6 năm 2020.

3.33. Kinh tế quốc tế (66102)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 04, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế quốc tế người học sẽ thông hiểu những kiến thức cơ bản về vấn đề kinh tế quốc tế; Phân tích được những đặc điểm cơ bản và tình hình thuận lợi, khó khăn khi Việt Nam tham gia vào nền kinh tế khu vực và thế giới; Hiểu và tính toán được tỷ giá hối đoái; Vận dụng tốt kiến thức đã học về kinh tế quốc tế, giúp doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh, có xu hướng phù hợp với kinh tế khu vực và quốc tế, để đáp ứng tốt yêu cầu của đất nước đặt ra; Có khả năng đánh giá hoạt động kinh tế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu; Nghiêm túc, tích cực học tập và biết được kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế và việc ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đỗ Đức Bình và Ngô Thị Tuyết Mai, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2019.

[2] Hoàng Thị Chinh, *Kinh tế quốc tế* - NXB Thống kê, 2020.

3.34. Nguyên lý thống kê kinh tế (68782)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 04, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Nguyên lý thống kê kinh tế, người học biết được việc tổng hợp thống kê, các chỉ tiêu phản ánh mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội, phương pháp phân tích dãy số thời gian và kiểm định thống kê trong kinh tế. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn. Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ. Thực hiện công việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. Từ đó giúp người học có nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Thị Thanh Hương, Nguyễn Kim Dung, *Giáo trình Nguyên lý Thống kê*, NXB Lao động, 2020

[2] Hoàng Khắc Lịch (CB), *Giáo trình Nguyên lý Thống kê*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2020

3.35. Lý thuyết tài chính tiền tệ (69002)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Không

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ, người học biết được các kiến thức lý luận cần thiết về tài chính, hệ thống tài chính, tiền tệ, hoạt động của hệ thống ngân hàng, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, lạm phát, các công cụ chính sách tiền tệ...; Có khả năng tư duy và giải quyết các tình huống về lĩnh vực tài chính-tiền tệ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đặng Thị Việt Đức (2022), *Giáo trình tài chính tiền tệ*, NXB Thông tin và truyền thông, 2022

[2] Nguyễn Văn Ngọc (2021), *Tiền Tệ Ngân Hàng Và Thị Trường Tài Chính*, NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân

3.36. Thuế (68013)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thuế, người học biết được những nội dung cơ bản về thuế và các chính sách thuế của Nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Đề xuất giải pháp; Xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình và đàm phán; Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Quang Cường và Nguyễn Kim Quyên. *Giáo trình Thuế*. NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2023.

[2] Nguyễn Kim Quyên (chủ biên). *Bài tập Thuế*. NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

3.37. Kế toán tài chính 1 (68083)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán tài chính 1, người học biết được những nội dung cơ bản về Kế toán tài chính; Kế toán tiền và các khoản phải thu; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định; Kế toán nợ phải trả. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 1*, NXB kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

[2] Bộ tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

3.38. Kế toán tài chính 2 (68093)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán tài chính 2, người học biết được những nội dung cơ bản về Kế toán vốn chủ sở hữu; Kế toán hoạt động thương mại; Kế toán hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ; Khái quát hóa tình hình tài chính, kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 2*, NXB kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

[2] Bộ tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

3.39. Kế toán tài chính 3 (68013)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán tài chính 3, người học biết được những nội dung cơ bản về Kế toán phải thu, phải trả nội bộ; Kế toán các giao dịch ngoại tệ; Kế toán hoạt động xây lắp; Kế toán hoạt động xây dựng cơ bản; Kế toán hoạt động bất động sản đầu tư. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập Kế toán tài chính (Quyển 3)*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2023.

[2] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập Kế toán tài chính 2*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

3.40. Kế toán quản trị (68113)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán quản trị, người học biết được những

vấn đề chung về Kế toán quản trị bao gồm: Tổng quan về kế toán quản trị; Chi phí và phân loại chi phí; Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận (C-V-P); Lập dự toán ngân sách; Phân tích biến động chi phí; Đánh giá trách nhiệm quản lý; Định giá bán sản phẩm; Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán; Xử lý công việc linh hoạt, nhạy bén; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Huỳnh Lợi, *Kế Toán Quản Trị*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2023.

[2] Huỳnh Lợi, Lê Hoàng Oanh. *Kế toán quản trị 1*. NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2021.

[3] Huỳnh Lợi, Lê Hoàng Oanh. *Kế toán quản trị 2*. NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2021.

3.41. Kế toán chi phí (68133)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán chi phí, người học biết được những nội dung cơ bản về Kế toán chi phí; Phân loại kế toán chi phí và tính giá thành; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính; Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán; Xử lý công việc linh hoạt, nhạy bén; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Kim Ngọc (chủ biên), *Kế toán chi phí*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2022.

[2] Bộ Tài chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp - quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán (tái bản)*, NXB Tài chính, 2020

[3] Bộ Tài chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp - quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, báo cáo tài chính hợp nhất*, NXB Tài chính, 2020

3.42. Kiểm toán 1 (68252)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kiểm toán 1, người học biết được những nội dung cơ bản về các kiến thức mang tính nguyên lý của hoạt động kiểm toán, với trọng tâm là kiểm toán độc lập, hoạt động kiểm toán và môi trường kiểm toán, các khái niệm và phương pháp áp dụng trong các bước của quy trình kiểm toán

BCTC. Đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Tự kiểm soát, tự kỷ luật bản thân; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Thị Giang Tân (chủ biên), *Giáo trình kiểm toán*, NXB Lao động, TP.HCM, 2023.

[2] Trần Thị Giang Tân (chủ biên), *Bài tập kiểm toán*, NXB Lao động, TP.HCM, 2021.

3.43. Kiểm toán 2 (68262)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kiểm toán 1 (68252)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kiểm toán 2, người học biết được những nội dung cơ bản về kiểm toán các khoản mục: tiền, khoản phải thu, giá vốn hàng bán và hàng tồn kho, tài sản cố định, khoản phải trả và vốn chủ sở hữu, doanh thu và chi phí. Đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Thị Giang Tân (chủ biên), *Giáo trình kiểm toán*, NXB Lao động, TP.HCM, 2023.

[2] Trần Thị Giang Tân (chủ biên), *Bài tập kiểm toán*, NXB Lao động, TP.HCM, 2021.

3.44. Kế toán tài chính 4 (68273)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán tài chính 4, người học biết được những nội dung cơ bản về kế toán tài chính nâng cao thông qua các hoạt động thuê tài sản, các khoản đầu tư tài chính, nợ vay và kế toán công ty cổ phần. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập Kế toán tài chính (Quyển 2)*, NXB Kinh tế TP. HCM, Quý 4/2023.

[2] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập Kế toán tài chính (Quyển 3)*, NXB Kinh tế TP. HCM, Quý 2/2023.

3.45. Kế toán tài chính 5 (68314)

- Số tín chỉ: 4 TC (45, 30, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Kế toán tài chính 4 (68273)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán tài chính 5, người học biết được những nội dung cơ bản về kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ kế toán thuế, lập báo cáo tài chính, biết các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm, biết tổ chức công tác kế toán và ghi sổ kế toán & lập BCTC. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Khái quát hóa tình hình tài chính, kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Có tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ môn Kế toán tài chính - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, *Tài liệu Kế toán tài chính 1*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2022.

[2] Bộ môn Kế toán tài chính - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, *Tài liệu Kế toán tài chính 2*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2022.

[3] Bộ môn Kế toán tài chính - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, *Tài liệu Kế toán tài chính 3*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2023.

[4] Bộ môn Kế toán tài chính - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, *Tài liệu Kế toán tài chính 4*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2023.

3.46. Tin học kế toán 1 (68573)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tin học kế toán, người học biết được những nội dung cơ bản về Phần mềm kế toán; Mở sổ kế toán; Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán mua hàng và công nợ phải trả; Kế toán vật tư; Kế toán bán hàng và công nợ phải thu; Kế toán Tài sản cố định; Kế toán thuế; Kế toán tiền lương; Kế toán tổng hợp. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ tài chính, *Chế Độ Kế Toán Doanh Nghiệp - Quyển 1: Hệ Thống Tài Khoản Kế Toán (Tái Bản)*, NXB Tài Chính, Hà Nội, 2020.

[2] Công ty cổ phần Misa, *Kế toán số - Kế toán doanh nghiệp*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2021.

3.47. Hệ thống thông tin kế toán (68592)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Hệ thống thông tin kế toán, người học biết được những nội dung cơ bản về khái niệm, chức năng và vai trò của hệ thống thông tin kế toán; Cách thức tổ chức dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán; Kiểm soát trong hệ thống thông tin kế toán; Khái niệm chu trình kinh doanh và các chu trình kinh doanh trong doanh nghiệp; Quy trình tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể; đáp ứng được nhu cầu về chuyển đổi số trong tổ chức thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập; Thực hiện tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thường xuyên, liên tục để đáp ứng nghiệp vụ chuyên môn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Hữu Ánh, Trần Quang Tuấn, *Hệ thống thông tin kế toán*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2021.

[2] Vũ Quốc Thông (CB), Trần Minh Ngọc và Nguyễn Hoàng Phi Nam. *Hệ thống thông tin kế toán 2*, Nhà xuất bản kinh tế TP. HCM (Tái bản lần thứ 1), 2021.

3.48. Kế toán mô phỏng trong doanh nghiệp (68343)

- Số tín chỉ: 3 TC (15, 0, 60, 0, 0)
- Học phần học trước: Kế toán tài chính 5 (68314)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán mô phỏng trong doanh nghiệp, người học biết được những nội dung cơ bản về hóa đơn điện tử khi bán hàng và cung cấp dịch vụ; Lập được chứng từ kế toán; Thực hành mô phỏng kế toán tại doanh nghiệp. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đặng Văn Sáng, *Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính, Báo cáo thuế GTGT trên excel*, NXB Tài chính, năm 2020.

[2] Bộ tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

3.49. Kế toán công 1 (68353)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán công 1, người học biết được những

nội dung cơ bản về Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị HCSN; Kế toán tiền, đầu tư tài chính, các khoản phải thu, hàng tồn kho; Kế toán Tài sản cố định và XDCB; Kế toán các khoản phải trả; Kế toán các nguồn kinh phí; Kế toán các thu, chi và xác định kết quả hoạt động. Áp dụng được chế độ kế toán đơn vị HCSN vào ghi sổ kế toán tại các đơn vị hành chính và sự nghiệp ở Việt Nam; thực hành hợp tác, làm việc nhóm; tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đại học Kinh tế TP.HCM, Khoa Kế toán - Bộ môn Kế toán công. *Kế toán Hành chính sự nghiệp*. NXB Kinh tế TP. HCM, 2023.

[2] Võ Văn Nhị, *Kế toán hành chính, sự nghiệp*, NXB Dân Trí, 2025

3.50. Kế toán ngân hàng (68322)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán ngân hàng, người học biết được những nội dung cơ bản về kế toán ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ huy động vốn; Kế toán nghiệp vụ tín dụng; Kế toán nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trương Thị Hồng, *Lý thuyết - bài tập - câu hỏi trắc nghiệm kế toán ngân hàng*, NXB kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2023.

[2] Nguyễn Phú Giang, *Kế toán ngân hàng*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2023.

3.51. Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (68413)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học này, người học biết được những nội dung cơ bản về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, kế toán vốn bằng tiền, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán nợ phải thu - phải trả, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu; xác định và khái quát hóa vấn đề; phân tích được các thông tin; vận dụng kiến thức trên để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên môn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Tài chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)*, NXB Lao động, 2016.

[2] Bộ Tài chính, *Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và sắp xếp*

tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (Ban hành theo Thông tư số 46/2025/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính), NXB Tài chính, 2025.

3.52. Kế toán công 2 (68362)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán công 2, người học có kiến thức và kỹ năng vận dụng chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã vào việc thực hiện công tác kế toán tại đơn vị hành chính cấp xã từ phân loại hoặc lập chứng từ đến phân tích tổng hợp thông tin và ghi sổ kế toán; lập và quản lý chứng từ, sổ sách, báo cáo cuối kỳ; thực hành hợp tác, làm việc nhóm, tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tăng Bình - Ái Phương (Hệ thống). *Hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã*. NXB Hồng Đức. Hà Nội, 2019.

[2] Bộ Tài chính. *Chế độ kế toán Ngân sách và tài chính xã theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC*. Hà Nội, 2019

3.53. Tài chính doanh nghiệp 1 (69102)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 04, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tài chính doanh nghiệp 1, người học biết được những nội dung cơ bản về quản lý tài chính trong doanh nghiệp, làm nền tảng để nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp: Thời giá tiền tệ; Định giá chứng khoán; Đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp; Chi phí sử dụng vốn. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Xử lý công việc linh hoạt, nhạy bén; Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ; Xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình và đàm phán; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Hữu Phước, *Tài chính doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, năm 2022

[2] Nguyễn Minh Kiều, *Tài chính doanh nghiệp căn bản*, Nhà xuất bản Thống kê, năm 2020

3.54. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán (68822)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tiếng Anh chuyên ngành kế toán, người học

biết được những nội dung cơ bản về: công việc của người làm kế toán - kiểm toán bằng Tiếng Anh; sử dụng được các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành kế toán như kế toán tiền và hàng tồn kho, kế toán các khoản phải thu – phải trả, kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí, kế toán thuế, kế toán ngân sách, kế toán các khoản đầu tư; lập được báo cáo tài chính bằng Tiếng Anh.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Evan Frendo & Sean Mahoney. *English for Accounting*. Oxford University Press, 2019.

[2] Taylor, John & Peltier, Stephen. *Career Paths: Accounting*, 2019.

3.55. Quản trị sản xuất (67222)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 04, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Quản trị sản xuất, người học biết được những nội dung cơ bản về quản trị sản xuất như: dự báo, quản trị hàng tồn kho, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, các phương pháp hoạch định tổng hợp thuần túy, lập lịch sản xuất.

- Tài liệu tham khảo chính:

Đồng Thị Thanh Phương, *Quản trị sản xuất và dịch vụ*, NXB Lao động - Xã hội, 2021.

3.56. Tài chính doanh nghiệp 2 (69122)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1 (69102)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tài chính doanh nghiệp 2, người học biết được những kiến thức và công cụ phân tích để giúp ra các quyết định liên quan đến quản lý nguồn vốn, chính sách phân phối lợi nhuận của công ty, bên cạnh đó, còn giúp công ty ngăn chặn ảnh hưởng của rủi ro tài chính, góp phần làm gia tăng giá trị và lợi nhuận cho cổ đông, đồng thời, đánh giá tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp trên cơ sở nghiên cứu rủi ro, điểm hòa vốn, đòn cân định phí, đòn cân nợ và phân tích các báo cáo tài chính. Xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình và đàm phán. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Hữu Phước (Chủ biên), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp 2*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2021.

[2] Ngô Kim Phượng, Lê Hoàng Vinh, *Phân tích tài chính doanh nghiệp (Tài bản lần thứ 5)*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2021.

3.57. Khởi nghiệp kinh doanh (67393)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học, Marketing căn bản

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Khởi nghiệp kinh doanh, người học hiểu được tổng quan về khởi nghiệp kinh doanh, nhận diện được ý tưởng, cơ hội kinh doanh; Biết cách soạn thảo và triển khai kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh. Phân tích môi trường và nhận diện được cơ hội kinh doanh; Phân tích được những yếu tố cốt lõi làm nên thành công của doanh nhân; Lập được kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; Tư duy và biết cách vận dụng, liên kết các kiến thức chuyên ngành thành thạo; Giao tiếp, thuyết trình, đối thoại, làm việc nhóm. Người học phát huy tính khách quan trong việc đánh giá kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh của doanh nghiệp; Có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2020.

[2] Dương Công Doanh, *Giáo trình Tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2023.

3.58. Thống kê doanh nghiệp (68002)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 04, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thống kê doanh nghiệp, người học có được những kiến thức thống kê về kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực huy động vào sản xuất kinh doanh; phương pháp tính toán và phân tích thống kê đánh giá kết quả, hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đánh giá sự biến động về giá thành sản phẩm. Các kiến thức này giúp người học có nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Võ Thị Phương Nhung, Nguyễn Thị Mai Hương, Võ Thị Hải Hiền, Phạm Thị Trà My, *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB Tài chính, 2022.

[2] Nguyễn Công Nhự, *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB ĐH KTQD, 2020.

3.59. Phân tích hoạt động kinh doanh (68023)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Không

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, người học biết được những nội dung cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh và phân tích tình hình sản xuất của doanh nghiệp; vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện thu thập, xử lý thông tin, phân tích kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp trong giai đoạn cụ thể; xác định, phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể; phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình; thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc; tự định hướng nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Thị Xuân, *Phân tích tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động, 2023.

[2] Trần Mạnh Dũng, *Báo cáo tài chính, phân tích và quản trị rủi ro về thuế*, NXB Tài chính, 2022.

[3] Leonida Meizler, *Business Analyst*, NXB Independently Published, 2021.

[4] Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

3.60. Thị trường tài chính (68112)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 04, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thị trường tài chính, người học biết được những nội dung cơ bản về thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường ngoại hối và thị trường phái sinh. Vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện thu thập, xử lý thông tin, phân tích mối liên hệ giữa các loại thị trường trong tổng thể thị trường tài chính và với các thị trường khác của nền kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Tiến, *Thị trường tài chính & Quản trị rủi ro tài chính*, NXB Hồng Đức, 2019.

[2] Nguyễn Văn Ngọc, *Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021.

3.61. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (68212)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, người học biết được những nội dung cơ bản về ngân hàng thương mại: Tổng quan về nghiệp vụ ngân hàng thương mại; Nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại; Nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại; Nghiệp vụ chiết khấu của ngân hàng thương mại. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phạm Thu Hạnh (Chủ biên), *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2024.

[2] Nguyễn Quốc Khánh (Chủ biên), *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Đại học Quốc gia, TP.HCM, 2023.

[3] Quốc hội (2014), *Luật Các tổ chức tín dụng*, 2024.

3.62. Thanh toán quốc tế (68043)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Không

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thanh toán quốc tế, người học biết được những kiến thức tổng quát thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái - các giao dịch hối

đoái, các phương tiện và các phương thức thanh toán quốc tế. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hà Văn Hội, *Giáo trình Thanh toán quốc tế*, NXB ĐH QG Hà Nội, Hà Nội, 2022.

[2] Nhóm tác giả, *Bài tập và bài giải Thanh toán quốc tế*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2021.

3.63. Thị trường chứng khoán (69112)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thị trường chứng khoán, người học biết được những nội dung cơ bản về thị trường tài chính, chứng khoán, đặc điểm và cách định giá các chứng khoán, cơ chế hoạt động của sở giao dịch, các nghiệp vụ chủ yếu của công ty chứng khoán. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thanh Phương (2020), *Giáo trình Thị trường chứng khoán*, NXB Tân Việt.

[2] Nguyễn Thị Minh Huệ (2019), *Giáo trình phân tích đầu tư chứng khoán*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân.

3.64. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu (67143)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Nghiệp vụ xuất nhập khẩu, người học biết được những nội dung cơ bản về các điều kiện thương mại quốc tế - Incoterms, những vấn đề trong thanh toán quốc tế, kỹ thuật đàm phán một hợp đồng ngoại thương, cách thức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu và bộ chứng từ trong kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Văn Hòe (chủ biên), Phùng Mai Lan, Phạm Hoàng Linh, *Giáo trình Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu*, NXB Tài chính, 2023.

[2] Đoàn Thị Hồng Vân và ThS. Kim Ngọc Đạt, *Giáo Trình Quản Trị Xuất Nhập Khẩu*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2021.

[3] Tô Bình Minh (Chủ biên), *Incoterms 2020 - Giải thích và hướng dẫn sử dụng*, NXB Tài chính, 2020.

[4] Tạ Văn Lợi (Chủ biên), *Giáo trình Nghiệp vụ ngoại thương*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025

3.65. Tài chính công (69252)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 04, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tài chính công, người học biết được những

vấn đề lý luận cơ bản về tài chính công, như: Khu vực công và lý thuyết về hiệu quả và công bằng; hàng hóa công và chi tiêu công; thuế và khuôn khổ phân tích thuế hiệu quả và tối ưu; ngân sách nhà nước và tài trợ bội chi ngân sách. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Hiệu, Trần Thị Vân Anh, *Giáo trình Tài Chính Công*, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2020.

[2]. Lâm Thái Bảo Ngọc (chủ biên), *Quản lý đầu tư công cấp tỉnh - Bài học điển hình từ Đồng Bằng Sông Cửu Long*, NXB Tri Thức, 2025.

3.66. Toán tài chính (69092)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Toán tài chính, người học biết được những nội dung cơ bản về khái niệm căn bản, những kỹ năng cần thiết cũng như các bài tập ứng dụng cần thiết về cách tính lãi đơn, lãi gộp cho khoản tiền, chuỗi tiền tệ, giá trị của dòng tiền, chiết khấu thương phiếu, vay vốn. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Tấn Bình, *Toán tài chính ứng dụng*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2022.

[2] Wai-Sum Chan and Yiu-kuen Tse, *Financial Mathematics For Actuaries (Third Edition)*, World Scientific, 2021.

3.67. Kế toán bền vững (69782)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán bền vững, người học biết được kiến thức cơ bản về văn hóa và môi trường; Vận dụng được những kiến thức này vào ngành kế toán; Có tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Phương Dung-Nguyễn Thị Hải Hà (đồng chủ biên). *Những vấn đề kế toán đương đại*, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội, 2020.

[2] International Sustainability Standards Board (2023). *IFRS S1 General Requirements for Disclosure of Sustainability-related Financial Information* (London: IFRS Foundation, 2023)

[3] International Sustainability Standards Board (2023). *IFRS S2 Climate - related disclosure*. (London: IFRS Foundation, 2023)

3.68. Tin học kế toán 2 (68582)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tin học kế toán 2, người học vận dụng được cơ bản Phần mềm Microsoft Excel trong hạch toán và ghi sổ kế toán trên máy tính; Thiết kế sổ - mở sổ kế toán; Ghi sổ tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

có liên quan vào sổ; Kết chuyển các nghiệp vụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh cuối kỳ. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đặng Văn Sáng, *Hướng dẫn Thực hành lập sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính, Báo cáo thuế GTGT tên Excel*, NXB Tài Chính, TP. HCM, Quý 1/2020.

[2] Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp lớn.

3.69. Kế toán kho bạc (68142)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán kho bạc, người học biết được những nội dung cơ bản về kế toán Kho bạc; Kế toán vốn bằng tiền và tiền gửi đơn vị tại kho bạc Nhà nước; Kế toán ngân sách Nhà nước; Kế toán vay nợ và trả nợ vay. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tăng Bình và Ai Phương, *Hướng dẫn Chế độ Kế toán Ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước*, NXB Tài Chính, Hà Nội, 2020.

[2] Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc Nhà nước.

3.70. Phân tích báo cáo tài chính (68372)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kế toán tài chính 5 (68314)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Phân tích báo cáo tài chính, người học biết được những nội dung cơ bản về phân tích báo cáo tài chính, bao gồm: Phân tích tình hình tài chính; Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán; Phân tích hiệu quả kinh doanh; Phân tích rủi ro kinh doanh và dự báo tài chính; Biết được các đặc điểm trong phân tích báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại và sự nghiệp có thu; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán, tài chính ở Việt Nam; Tự kiểm soát, tự kỷ luật bản thân. Hướng dẫn cho người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn; Giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Ngọc Quang, *Lý thuyết và thực hành phân tích báo cáo tài*

chính, NXB Tài chính, 2021

[2] Nguyễn Văn Công (Chủ biên), *Phân tích báo cáo tài chính*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024.

3.71. Chuẩn mực kế toán Việt Nam (68622)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 06, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Chuẩn mực kế toán Việt Nam, người học được trang bị kiến thức nền tảng và có hệ thống về các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS). Nội dung được tổ chức thành 6 chương trong đó mỗi chương trình bày các nhóm chuẩn mực cơ bản, sử dụng phổ biến tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong việc tiếp cận, ghi nhớ, vận dụng bao gồm: Chuẩn mực chung, Chuẩn mực kế toán về hàng tồn kho, tài sản, Chuẩn mực về doanh thu và chi phí, Chuẩn mực về trình bày báo cáo tài chính, Chuẩn mực về đầu tư và hợp nhất kinh doanh, Các chuẩn mực đặc thù khác. Học phần không chỉ cung cấp có hệ thống nội dung của 26 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, đồng thời rèn luyện kỹ năng vận dụng chuẩn mực vào giải quyết các tình huống thực tiễn, phân tích báo cáo tài chính và hình thành đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ tài chính, 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Tài Chính, Hà Nội, 2021.

[2] Quốc Hội, Luật kế Toán (Sửa Đổi, Bổ Sung Năm 2019), NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật, Hà Nội, 2022.

3.72. Chuyên đề cuối khóa (Kế toán) (68914)

- Số tín chỉ: 4 TC (0, 0, 0, 180, 0)

- Học phần học trước: Kế toán tài chính 5(68314)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Chuyên đề cuối khóa, người học vận dụng được kiến thức về kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán ĐV HCSN, kế toán kho bạc, thuế, kiểm toán, ... để thực hành các nghiệp vụ kế toán thực tế tại đơn vị.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 1*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2022.

[2] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 2*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2022.

[3] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 3)*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp. HCM, 2023.

[4] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 4)*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2023.

[5] Bộ tài chính (2014), *Thông tư số: 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

[6] Bộ Tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính)*, NXB Lao động, 2016.

3.73. Kế toán quốc tế (68383)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 06, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán quốc tế, người học biết được những nội dung tổng quan về kế toán quốc tế, hệ thống chuẩn mực kế toán theo nguyên tắc và theo quy định, hệ thống kế toán của một số quốc gia, chuyển đổi báo cáo tài chính quốc tế, phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp nước ngoài, kế toán quản trị và kiểm soát trong các công ty đa quốc gia, các nội dung kế toán quốc tế khác tại các công ty đa quốc gia. Đề xuất giải pháp; Đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ; Xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình và đàm phán. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Thị Thanh Hải, *Kế toán quốc tế*, NXB Kinh tế Quốc Dân, 2022.

[2] Trần Thị Thanh Hải & Nguyễn Thị Thu Hiền, *Kế toán quốc tế*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

[3] Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel, Donald E. Kieso, *Financial Accounting with International Financial Reporting Standards (Bộ môn nguyên lý kế toán, Khoa kế toán, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh biên dịch)*, Orinal Cover Design: Wiley liên kết với NXB Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, 2020

3.74. Lập báo cáo tài chính theo IFRS (68502)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Lập báo cáo tài chính theo IFRS, người học biết được những nội dung cơ bản về lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo thu nhập, báo cáo lưu chuyển tiền. Đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Tự kiểm soát, tự kỷ luật bản thân. Hướng dẫn cho người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn; Giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Văn Dương (chủ biên), *Kế toán nâng cao*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

[2] PWC Việt Nam, *Illustrative IFRS consolidated financial statements for 2020 year ends*, PWC Việt Nam, 2020.

[3] EY Việt Nam, *Illustrative Consolidated Financial Statements*, EY Việt Nam, 2020.

3.75. Khóa luận cuối khóa (Kế toán) (68906)

- Số tín chỉ: 6 TC (0, 0, 0, 0, 360)

- Học phần học trước: Kế toán tài chính 5 (68314)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Khóa luận cuối khóa, người học vận dụng được

kiến thức về kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán ĐV HCSN, kế toán kho bạc, thuế, kiểm toán, ... để thực hành các nghiệp vụ kế toán thực tế tại đơn vị.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 1*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2022.

[2] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 2*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2022.

[3] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 3)*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp. HCM, 2023.

[4] Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 4)*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2023.

[5] Bộ tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp* ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

[6] Bộ Tài chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính)*, NXB Lao động, 2016.

3.76. Các học phần điều kiện ngoại ngữ

a) General English 1 (08004)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần General English 1 là học phần điều kiện;

Sau khi hoàn thành học phần General English 1, người học hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyển động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả, kiến thức về cách dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, mạo từ “a, an, the”, cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng “too, enough” và thì hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê bình về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

b) General English 2 (08012)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 1 (08004)

- Mô tả:

Học phần General English 2 là học phần điều kiện ở các CTĐT trình độ đại học (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu D (08012D))

Sau khi hoàn thành học phần General English 2, người học hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan

diễn đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

4. Sơ đồ đào tạo

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo

5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	- Thuyết trình - Giảng bài - Câu hỏi gợi ý
Thảo luận (TL)	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	- Tranh luận - Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn	- Luyện tập kỹ năng - Thực hành - Làm việc nhóm
Thực tập (TT)	Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường	- Thực tế - Mô phỏng
Đồ án (ĐA)	Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn	Tiểu luận, khóa luận

Tự học - tự nghiên cứu (ĐA)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn và đánh giá.	- <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Nghiên cứu tình huống</i>
-----------------------------	---	--

7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

7.1. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.3. Phương pháp đánh giá

Ma trận thể hiện quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
		K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	
I	Đánh giá quá trình													
1	Đánh giá qua mức độ chuyên cần											X	X	X
2	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập (tự học, kiểm tra với các hình thức)	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X
3	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhóm					X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Đánh giá qua thuyết trình trên lớp					X				X	X	X	X	X
II	Đánh giá cuối kỳ													
1	Đánh giá qua kỳ thi kết thúc học phần	X	X	X	X				X					
2	Đánh giá qua thực hành, thực tập			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Đánh giá qua việc thực hiện khóa luận			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
III	Đánh giá khác													
1	Đánh giá qua hoạt động rèn luyện					X					X			

Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT.

8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

8.1. Các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

STT	Tên các cơ sở thực hành thực tập	Địa chỉ
1	Các doanh nghiệp	Trong và ngoài tỉnh Đồng Tháp
2	Các ngân hàng	
3	Các đơn vị HCSN	

8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường:

- Tổng diện tích đất của trường: 226.882,5 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 12,34 m²/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 76.592,515 m²/6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	113	11.744
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	1.731
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	954
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	31	3.715
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	3.971
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	288
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	51	6.873
Tổng:		165	22.858

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành Kế toán:

Số TT	Loại phòng học (Phòng thí nghiệm)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng máy vi tính	5	250	Máy vi tính	200	Tin học kế toán
				Phần mềm kế toán		Kế toán mô phỏng trong DN

				AMIS		Kỹ năng số
						PPNCKH trong kế toán
						Kinh tế lượng

8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy chương trình ngành Kế toán

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Nguyễn Minh Nhã	Phó trưởng khoa- Giảng viên chính	Tiến sĩ	Kế toán
2	Hồ Nguyễn Diễm Tiên	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh nông nghiệp
3	Lê Thị Sơn	Trưởng khoa	Tiến sĩ	Chính trị học
4	Bùi Quang Thịnh	Phó trưởng phòng	Tiến sĩ	Toán Tin học
6	Dương Văn Hiếu	Trưởng khoa	Tiến sĩ	Khoa học máy tính
7	Lâm Thái Bảo Ngọc	Trưởng bộ môn	Tiến sĩ	Tài chính-ngân hàng
8	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
9	Huỳnh Thị ngọc Phượng	Phó trưởng BM	Thạc sĩ	Kế toán
10	Phạm Thị Huỳnh Như	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
11	Nguyễn Hoàng Thơ	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
12	Võ Văn Hiền	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
13	Lê Thị Trúc Mai	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
14	Nguyễn Lê Thùy Liên	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
15	Nguyễn Hồng Nhung	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
16	Trần Thị Hồng Thúy	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
17	Lê Thị Hồng Trang	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
18	Trần Kim Ngân	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
19	Lý Thị Ngọc Sương	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
20	Trần Thị Tiên	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
21	Trần Thị Hồng Diễm	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
22	Phan Thị Ngọc Diễm	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
23	Lê Hồng Xuân	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản lý Kinh tế
24	Huỳnh Văn Hữu	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh
25	Lương Hồng Thanh	Giảng viên	Thạc sĩ	Giáo dục quốc phòng - An ninh
26	Lê Thị Ánh Vân	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Chính trị học
27	Đào Thanh Nhân	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Tài chính-Ngân hàng
28	Đặng Thị Mỹ Dung	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Tài chính-Ngân hàng
29	Nguyễn Anh Tuấn	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính-Ngân hàng
30	Dương Ngọc Diệp	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
31	Nguyễn Thanh Nhã	Phó Trưởng Bộ môn	Thạc sĩ	Toán giải tích
32	Võ Thị Trúc Giang	Phó Trưởng khoa	Thạc sĩ	Toán học (XS&TK)
33	Trần Thị Tuyết Lan	Giảng viên	Thạc sĩ	Đại số & LT số
34	Hồ Công Xuân Vũ Ý	Giảng viên	Thạc sĩ	Toán học
35	Nguyễn Thị Thảo	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Triết học
36	Nguyễn Trung Hiếu	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Triết học
37	Cao Thị Tuyết Loan	Phó trưởng BM	Thạc sĩ	Triết học
38	Nguyễn Minh Khoa	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Khoa học máy tính

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
39	Lý Thiên Trang	Phó trưởng BM	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
40	Huỳnh Thị Nhật Hằng	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
41	Phạm Ngọc Giàu	Giảng viên	Thạc sĩ	Khoa học máy tính

b) Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, hỗ trợ

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Phạm Văn Thi	Cố vấn học tập	Thạc sĩ	Kinh tế
2	Lê Hoàng Vân Trang	Cố vấn học tập	Thạc sĩ	QTKD
3	Phan Huy Lâm	Cố vấn học tập	Thạc sĩ	Luật kinh tế
4	Ngô Thị Loan	Quản lý phòng máy	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
5	Lê Anh Khoa	Quản lý phòng máy	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
6	Tổng Lê Thanh Hải	Quản lý CSVC	Thạc sĩ	Khoa học máy tính

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1. Tổ chức thực hiện chương trình

- Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Sơ đồ đào tạo là kế hoạch học tập tham khảo để sinh viên thực hiện, tùy vào sức học và kế hoạch cá nhân mà sinh viên có thể tự lập kế hoạch học tập khác phù hợp với kế hoạch và năng lực học tập của sinh viên và quy định đào tạo của Trường. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Chương trình môn học tiếng Anh: Sinh viên phải đáp ứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban

hành tại Quyết định số 529/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang.

9.2. Phương pháp giảng dạy

Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành tại lớp, tổ chức tốt hoạt động học nhóm, tự thiết kế môi trường thực tập ngôn ngữ, thực tập giảng dạy ngôn ngữ, chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

10. Thông tin cập nhật

10.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang;

- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học; và tài liệu “Khung năng lực AI cho giáo viên” của UNESCO xuất bản năm 2025;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

- Công văn số 295/BGDĐT-GDĐH ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Triển khai Khung năng lực số tại các cơ sở đào tạo”;

- Kế hoạch số 924/KH-ĐHTG ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Tiền Giang về việc Tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình dạy học áp dụng Khoá 25.

- Quyết định 345/QĐ-BTC: Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính tại Việt Nam;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 252/QĐ-TTg);

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (Quyết định số 2631/QĐ-TTg);

- Số liệu của Hội kế toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) giai đoạn 2019-2022.

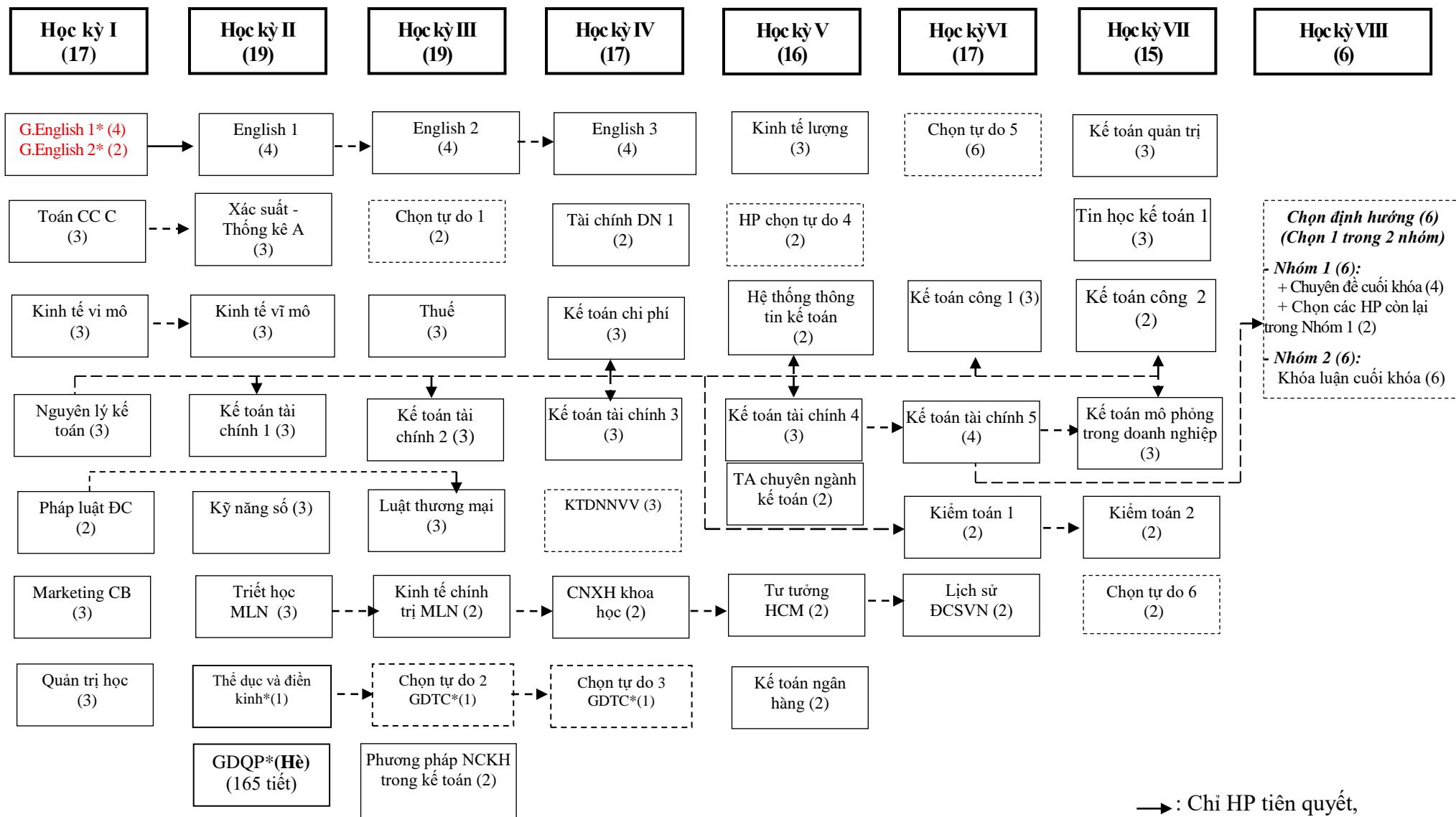
10.2. Thông tin kiểm định

CTĐT ngành Kế toán đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT (ngày 10 tháng 4 năm 2023) đạt tiêu chuẩn chất lượng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành./.

PHỤ LỤC I:

SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC CTĐT ĐH KẾ TOÁN

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Kế toán



→ : Chỉ HP tiên quyết,
 - -> : Chỉ HP học trước
 (x) : Số tín chỉ
 (*) : HP điều kiện

PHỤ LỤC II:

**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA
HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CTĐT**

Phụ lục II: Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
I	1	67003	Quản trị học		x		x	x		x			x		x
	2	08133	Toán cao cấp C	x				x			x	x	x		
	3	66043	Kinh tế vi mô		x			x							x
	4	68063	Nguyên lý kế toán		x			x			x		x	x	x
	5	71012	Pháp luật đại cương	x				x					x		x
	6	70013	Marketing căn bản		x		x	x		x			x		x
	7	12371	Thế dục và điền kinh*	x										x	
II	8	30093	Kỹ năng số	x		x			x				x		
	9	08733D	Xác suất thống kê A	x			x	x			x		x		
	10	66063	Kinh tế vĩ mô		x					x	x		x	x	x
	11	68083	Kế toán tài chính 1			x		x			x	x	x	x	x
	12	00033	Triết học Mác Lênin	x				x					x	x	x
	13	08024	English 1	x					x				x		x
	14	12391	Bóng chuyền 1*	x										x	
	15	12401	Cầu lông 1*	x										x	
	16	12271	Đá cầu 1*	x										x	
	17	12411	Bóng rổ 1*	x										x	
	18		Giáo dục quốc phòng và an ninh*	x											x
III	19	15362	Kỹ năng giao tiếp	x				x			x		x		

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
HK	20	65012	Lịch sử các học thuyết kinh tế	x	x			x						x	x
	21	68013	Thuế			x		x			x		x	x	x
	22	68093	Kế toán tài chính 2			x		x			x	x	x	x	x
	23	71073	Luật thương mại	x	x			x					x	x	x
	24	01202	Kinh tế chính trị Mác Lênin	x				x					x	x	
	25	08034	English 2	x					x					x	
	26	68562	PP NCKH trong kế toán	x	x				x	x		x	x	x	x
	27	12441	Bóng chuyền 2*	x										x	
	28	12481	Cầu lông 2*	x										x	
	29	12281	Đá cầu 2*	x										x	
30	12461	Bóng rổ 2*	x										x		
IV	31	69102	Tài chính doanh nghiệp 1		x		x				x		x	x	x
	32	68133	Kế toán chi phí			x		x			x	x	x	x	x
	33	68103	Kế toán tài chính 3			x		x			x	x	x	x	x
	34	68413	Kế toán DN vừa và nhỏ			x		x			x	x	x	x	x
	35	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x				x						x	
	36	08044	English 3	x					x					x	
V	37	66093	Kinh tế lượng		x	x		x			x		x	x	
	38	66102	Kinh tế quốc tế		x			x					x	x	
	39	68782	Nguyên lý thống kê kinh tế		x		x	x					x	x	
	40	69002	Lý thuyết tài chính – tiền tệ		x		x	x					x	x	

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
VII	62	68313	Tin học kế toán 1	x		x					x				x
	63	68362	Kế toán công 2			x		x			x		x	x	x
	64	68113	Kế toán quản trị			x	x				x	x			x
	65	68343	Kế toán mô phỏng trong DN			x	x			x	x				x
	66	68262	Kiểm toán 2			x					x		x	x	x
	67	68582	Tin học kế toán 2	x		x		x	x	x	x	x	x	x	
	68	68372	Phân tích báo cáo tài chính			x	x	x	x				x	x	
	69	68622	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	x	x	x				x	x	x	x		x
	70	68142	Kế toán kho bạc			x		x				x		x	x
	71	69782	Kế toán bền vững	x		x		x						x	x
VIII	72	68914	Chuyên đề cuối khóa (kế toán)			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	73	68502	Lập BCTC theo IFRS		x	x	x		x	x	x		x		
	74	68383	Kế toán quốc tế	x	x	x		x	x	x	x		x	x	
	75	68906	Khóa luận cuối khóa (kế toán)			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.